

Số: 125/2024/QĐST-HNGĐ

Yên Thành, ngày 16 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **216/2024/TLST-HNGĐ**, ngày 15 tháng 04 năm 2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn Q – sinh ngày 06/03/1982;

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị L - sinh ngày 02/05/1984.

Trú tại: Xóm B, xã T, huyện Y, Nghệ An.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Trần Văn B – sinh năm 1954

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, Nghệ An

+ Bà Lê Thị B1 – Sinh năm 1960

Trú tại: Xóm B, xã T, huyện Y, Nghệ An

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào các Điều 54; 55; khoản 1 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Văn Q và bà Hoàng Thị L.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Ông Trần Văn Q và bà Hoàng Thị L thuận tình ly hôn.

- **Về quan hệ con chung:** Giao 02 con chung là Trần Thanh B2 - giới tính: Nam - sinh ngày 16/01/2009; Trần Đăng K - giới tính: Nam - sinh ngày 01/09/2012 cho bà Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Hoàng Thị L chưa yêu cầu.

Ông Trần Văn Q không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Trước lúc Tòa án giải quyết ly hôn ông Trần Văn Q, bà Hoàng Thị L đã tự thỏa thuận với nhau và đề nghị Tòa án đưa vào Quyết định để đảm bảo Thi hành án với nội dung cụ thể như sau:

+ Về tài sản:

* Giao cho ông Trần Văn Q được quyền quản lý sử dụng Thửa đất số 83(lô 13), Tờ BĐ: 19(QH 2014) có diện tích 138m² tại Xóm Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 753975 ngày 02 tháng 8 năm 2016.

* Giao cho bà Hoàng Thị L được quyền quản lý sử dụng Thửa đất số 1025, Tờ BĐ: 14 có diện tích 159m² tại Chuôm Ông L1, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 296541 ngày 21 tháng 01 năm 2014.

Ông Trần Văn Q, bà Hoàng Thị L có quyền, nghĩa vụ phối hợp với nhau mang 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Về nợ chung: Ông Trần Văn Q, bà Hoàng Thị L, ông Trần Văn B, bà Lê Thị B1 thống nhất thỏa thuận.

* Ông Trần Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn B(bố của anh Q) số tiền 162.500.000đ(Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

* Bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn B số tiền 112.500.000đ(Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) và trả cho bà Lê Thị B1(mẹ của chị L) số tiền 50.000.000đ(Năm mươi triệu đồng).

- **Về án phí:** Ông Trần Văn Q chịu nộp 150.000đ(Một trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 22.830.000đ(Hai mươi hai triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Q1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002761, ngày 15 tháng 4 năm 2024. Hoàn trả lại cho ông Q số dư tạm ứng án phí là 22.680.000đ(Hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Chi cục THADS
- VKSND H. Yên Thành
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã Đ
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu kết quả

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Công Hưng